VIỆN KHOA HỌC
KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU
TRUNG TÂM
NGHIÊN CỨU THỦY VĂN VÀ HẢI VĂN
———————— ~*~ ————————

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
————————o0o————————

BẢN TIN DỰ BÁO MỰC NƯỚC VÀ SÓNG BIỂN

(Lúc 13 giờ – ngày 16/04/2022)

Tỉnh/ TP	Huyện	Mực nước tổng cộng dự báo trong 48 giờ (cm)								
		16/04		17/04				18/04		
		13h	19h	1h	7h	13h	19h	1h	7h	13h
Quảng Ninh	Đầm Hà	80	-18	-9	-51	40	10	39	-75	-16
	Cửa Ông	66	7	-17	-30	30	22	27	-49	-10
TP. Hải Phòng	Hòn Dáu	46	30	-25	-13	14	43	17	-31	-22
	Bạch Long Vĩ	50	11	-25	-21	21	31	15	-43	-9
Thái Bình	Thái Thụy	39	37	-28	-7	8	48	13	-24	-25
Nam Định	Hải Hậu	30	53	-33	5	2	60	4	-11	-26
Ninh Bình	Kim Sơn	28	56	-31	8	-1	61	5	-8	-29
Thanh Hóa	Quảng Xương	23	58	-28	11	-2	62	4	-3	-25
Nghệ An	Diễn Châu	16	57	-23	16	-5	62	5	7	-16
	Hòn Ngư	15	58	-25	16	-6	62	2	9	-14
Hà Tĩnh	Thạch Hà	14	54	-28	18	-7	61	-2	15	-11
Quảng Bình	Quảng Trạch	5	50	-28	24	-17	58	-16	26	-18
	Quảng Ninh	-1	48	-26	28	-19	55	-22	33	-18
Quảng Trị	Gio Linh	-6	44	-22	32	-19	51	-25	38	-18
	Còn Cỏ	-5	44	-24	33	-18	52	-27	37	-17
Thừa Thiên Huế	Hương Trà	-10	37	-18	30	-18	42	-25	38	-13
	Phú Lộc	-12	31	-14	28	-15	37	-26	38	-8
TP. Đà Nẵng	Sơn Trà	-14	25	-10	27	-13	31	-25	38	-3
	Hoàng Sa	-7	4	-4	17	-1	10	-28	21	7
Quảng Nam	Tam Kỳ	-14	19	-6	26	-9	25	-27	37	2
	Cù Lao Chàm	-13	21	-6	25	-10	27	-25	36	0
Quảng Ngãi	TP. Quảng Ngãi	-14	12	-8	27	-8	19	-32	37	5
	Lý Sơn	-11	11	-5	25	-5	18	-29	34	6
Bình Định	Phú Mỹ	-12	6	-8	29	-4	14	-34	36	3
	Quy Nhơn	-12	6	-9	29	-5	11	-36	33	3
Phú Yên	Tp. Tuy Hòa	-8	13	-3	34	1	16	-33	36	8
Khánh Hòa	TP. Nha Trang	-11	16	-6	32	-3	21	-36	35	5
	Trường Sa	-19	16	-13	29	-10	21	-40	31	0
Ninh Thuận	TP. PR-Tháp Chàm	-23	22	-17	36	-13	30	-43	41	-4
Bình Thuận	TP. Phan Thiết	-72	68	-64	75	-50	69	-80	66	-19
	Phú Quý	-30	29	-26	39	-20	33	-51	39	-8
Bà Rịa Vũng Tàu	Vũng Tàu	-83	69	-58	61	-25	44	-37	13	41
	Côn Đảo	-53	38	-29	28	-1	19	-12	-21	57
TPHCM	Cần Giờ	-81	70	-54	58	-19	41	-28	7	51
Tiền Giang	Gò Công Tây	-83	73	-56	60	-20	43	-27	8	53
Bến Tre	Ba Tri	-79	66	-50	54	-15	38	-18	5	63
Trà Vinh	Duyên Hải	-68	50	-37	37	-2	21	-9	-19	73
Sóc Trăng	Tân Phú	-43	24	-6	11	22	-3	24	-46	94
Bạc Liêu	TP. Bạc Liêu	1	-21	40	-33	60	-40	69	-88	119
Cà Mau	Năm Căn	19	-33	49	-42	57	-34	69	-84	94
	Trần Văn Thời	-4	15	-11	12	-10	25	6	-5	11
Kiên Giang	Rạch Giá	-13	44	-39	49	-45	46	-16	32	-26
	Phú Quốc	7	15	-5	15	-15	20	12	15	-8
	Thổ Chu	8	12	0	8	-9	19	11	12	-3

Vùng Biển	Độ cao sóng biển dự báo trong 48 giờ		
	Độ cao sóng lớn nhất (m)	Hướng thịnh hành	Ghi chú
Bắc vịnh Bắc Bộ	2.3 - 2.5	Đông Bắc, Đông	Cảnh báo
Nam vịnh Bắc Bộ	1.1 - 2.5	Đông Bắc, Đông	Cảnh báo
Quảng Trị đến Quảng Ngãi	1.1 - 1.6	Đông, Đông Bắc	
Bình Định đến Ninh Thuận	1.2 - 1.5	Đông Bắc	
Bình Thuận đến Cà Mau	0.3 - 1.6	Đông	
Cà Mau đến Kiên Giang	0.3 - 0.7	Đông Nam, Tây, Đông	
Quần đảo Hoàng Sa	1.6 - 1.8	Đông Bắc	
Quần đảo Trường Sa	0.8 - 1.3	Đông Bắc, Bắc	
Bắc Biển Đông	1.3 - 2.7	Đông Bắc	Cảnh báo
Giữa Biển Đông	0.6 - 1.9	Đông Bắc, Bắc	
Nam Biển Đông	0.3 - 1.3	Đông Bắc, Bắc	

Tin phát lúc: **13 giờ 00**

Thời điểm phát tin dự báo tiếp theo: 13 giờ 00 ngày 17/04/2022

Người xây dựng bản tin: Trần Văn Mỹ

Người soát bản tin: Lê Quốc Huy

Biến trình mực nước tổng cộng tại 10 trạm Hải văn

(Cửa Ông, Hòn Dáu, Bạch Long Vĩ, Hòn Ngư, Sơn Trà, Quy Nhơn, Phú Quý, Vũng Tàu, Rạch Giá, Phú Quốc)

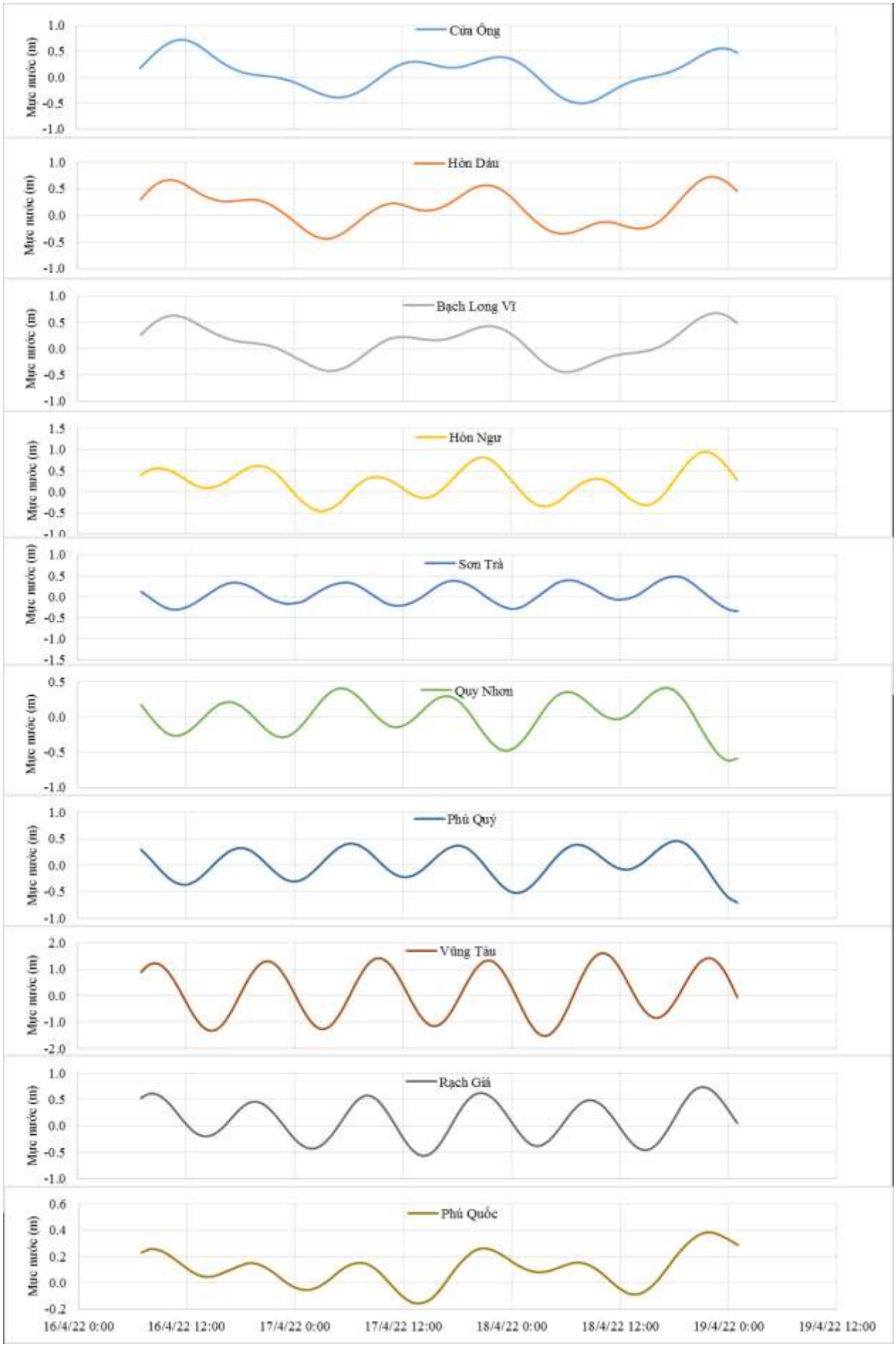

Phân bố độ cao sóng ven bờ và ngoài khơi biển Việt Nam

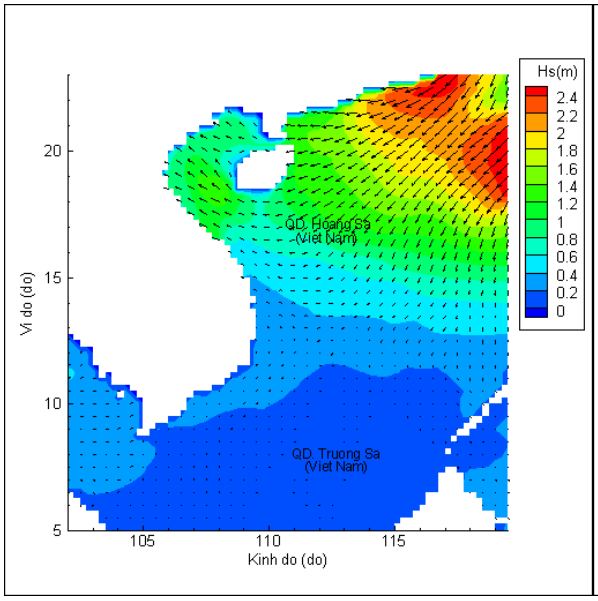

Lúc 13h ngày 16/04/2022

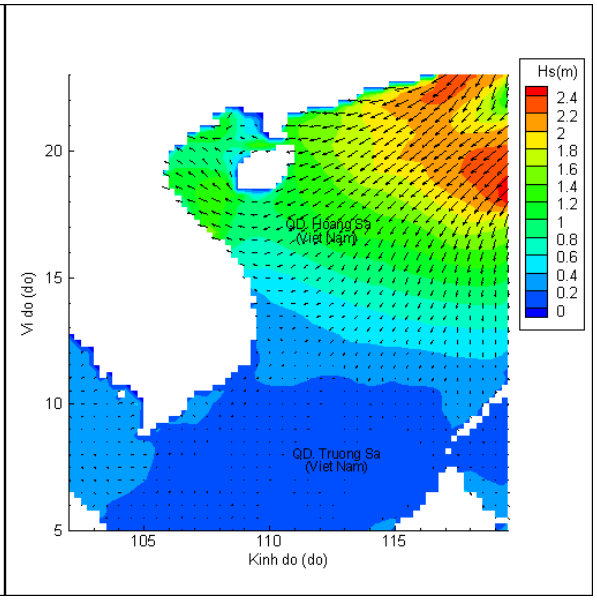

Lúc 19h ngày 16/04/2022

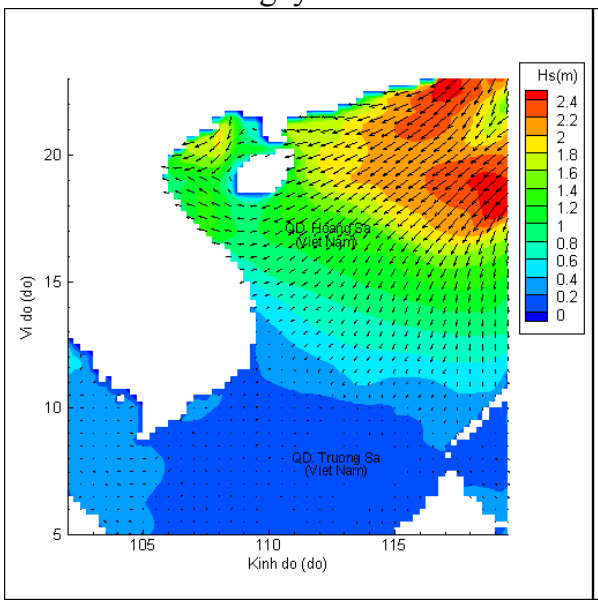

Lúc 01h ngày 17/04/2022

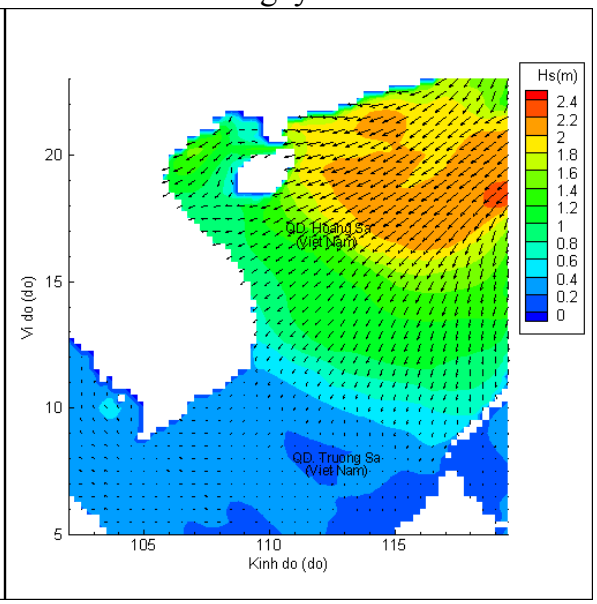

Lúc 13h ngày 17/04/2022

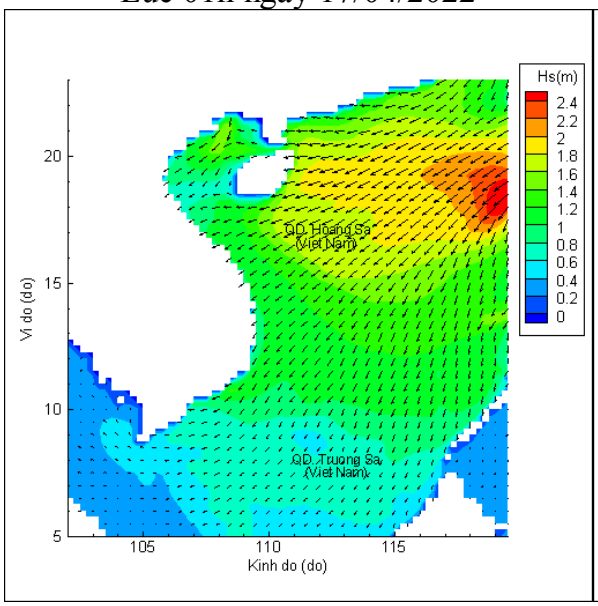

Lúc 01h ngày 18/04/2022

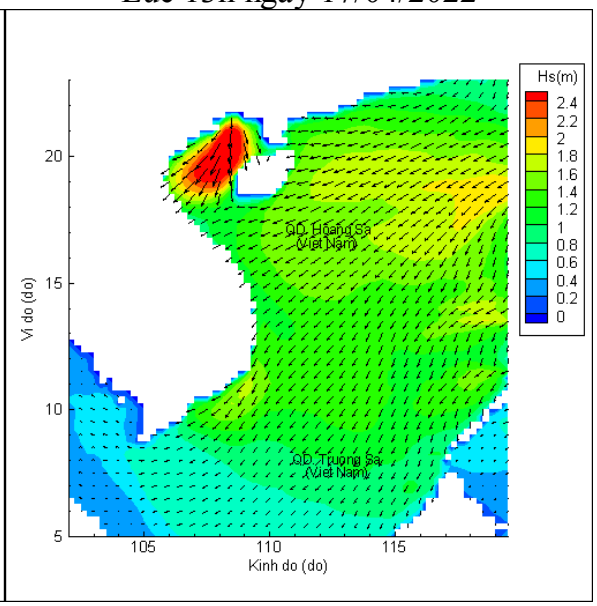

Lúc 13h ngày 18/04/2022